

PIERRE MICHARD
GUENIEVRE SHAMS AJILI

TIẾP CẬN
THEO BỒI
CẢNH

Người dịch: Lê Hoàng Thế Huy

Lưu ý: đây là bản dịch tạm thời đã được đọc và hiệu đính đính bởi một số thành viên và học viên trong khóa IV “Trị liệu hệ thống – tiếp cận gia đình”. Đây chưa phải là bản dịch chính thức và còn có thể được thay đổi.

Remerciements

En premier lieu, nous voudrions sincèrement remercier les auteurs de ce livre, M. Michard et Mme. Shams Ajili. De votre manière concise et résonnante, votre écriture nous a fait introduire à l'approche contextuelle à la fois sur le plan théorique et pratique, et nous a rendu prêt à penser les liens humains dans un tout autre angle de vue, cette fois plus intégrative.

Nous tiendrons également aux efforts du comité pédagogique de la formation de Thérapie systémique-approche familiale tenue à Hochiminh ville, dont spécialement Mesdames Olivette Mikolajczak, Marie-Cécile Henriquet, pour votre soutien de ce projet de traduction.

Enfin, un grand merci à tous les participants de cette formation et à tous ceux qui avaient tenté de traduire ce document en vietnamien. Vos avis consistent en matériel précieux pour que ce travail puisse être mené à bien.

Hochiminh ville, Janvier 2016

Lời cảm ơn

Đầu tiên, chúng tôi hết sức trân trọng các tác giả của cuốn sách này – ông Michard và bà Shams Ajili. Bằng lối viết súc tích nhưng lay động, các tác giả đã giúp chúng tôi tìm hiểu nghiêm túc về tiếp cận theo bối cảnh trên bình diện lý thuyết lẫn thực hành. Ngoài ra, cuốn sách còn là tài liệu hay để chúng tôi suy ngẫm lại những tương quan con người xung quanh trong cuộc sống, và lần này với một góc nhìn mới phong phú, rộng mở hơn.

Chúng tôi cũng chân thành cảm ơn ban đào tạo của các khóa Trị liệu hệ thống-tiếp cận gia đình tại Tp.HCM, nhất là cô Olivette Mikolajczak và cô Marie-Cécile Henriquet, đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để việc chuyển ngữ được diễn ra suôn sẻ nhất.

Cuối cùng, một lời cảm ơn đến với tất cả các thành viên của khóa Trị liệu hệ thống-tiếp cận gia đình lần thứ IV cũng như những anh chị đi trước đã từng cố gắng chuyển ngữ tài liệu này sang tiếng Việt. Những gợi ý và phản hồi về diễn đạt của mọi người là nguồn tham khảo quý giá để việc chuyển ngữ có thể được thực hiện trong điều kiện tối ưu.

Tp.HCM, tháng 01/2016

Mặc cảm tội lỗi thực tế hay mặc cảm tội lỗi hiện sinh xuất hiện khi mà một cá nhân công nhận đã làm hại đến trật tự nhân loại, bao gồm trật tự hiện hữu của chính bản thân mình và của cả nhân loại. Đối diện với mặc cảm tội lỗi thực tế ấy, nhà trị liệu phải can thiệp lên vết thương của cái trật tự đã bị tổn hại đồng thời học hỏi làm sao để bám trụ vào điểm bị tổn thương ấy.

Khi nhà trị liệu xem xét về thực tế của những trao đổi giữa hai con người và giữa con người với thế giới, khi đó lộ diện một thực tế hiện sinh mà chúng ta không thể phân loại theo bất cứ một đơn vị tâm lý nào. Nhà trị liệu công nhận rằng các phương pháp trị liệu truyền thống đều có giới hạn của nó và con đường dẫn tới việc chữa lành sẽ thay đổi tùy theo hệ quả của sự tấn công lên trật tự nhân loại đã nêu ở trên.

Nếu nhà trị liệu duy trì sự lựa chọn này, tất cả những gì người này buộc phải làm trở nên khó khăn hơn, thực tế hơn, thậm chí thực tế đến tận gốc...

Để làm được điều này, nhà trị liệu nên phân biệt rõ ràng sự khác biệt giữa mặc cảm tội lỗi thực tế với mặc cảm tội lỗi nhiều tâm gây ra bởi sự quanh co của cõi vô thức.

Martin BUBER (Tội lỗi và cảm nhận tội lỗi)

DẪN NHẬP

Tiếp cận theo bối cảnh, một phương pháp trị liệu gia đình quan tâm tới các thế hệ tương lai.

Tiếp cận theo bối cảnh mở ra một chiều kích, một kim chỉ nam để mô tả mối quan hệ giữa con người với con người. Chiều kích này được kết hợp vào những chiều kích cổ điển hơn đã được khám phá bởi tâm lý học như phân tâm học hay những nghiên cứu đã được thực hiện trong lý thuyết hệ thống¹ và trong lý thuyết giao tiếp². Kim chỉ nam mới này là một hằng số luôn hiện diện trong tất cả các mối quan hệ nhân sinh và đặc biệt hơn là trong các mối quan hệ gần gũi, thân thiết trong gia đình.

Khám phá về đạo đức trong các mối quan hệ³ sẽ dẫn dắt chúng ta về đâu? Tham vọng của quyển sách này là muốn cùng lúc làm sáng tỏ các quan niệm về sự công bằng trong mỗi quan hệ con người và trình bày những nguồn lực trị liệu mới.

¹ Từ tiếng Pháp “la systémie”, tiếng Anh “systemic”

² Từ tiếng Pháp “théorie de communication”, tiếng Anh “communication theories”

³ Từ tiếng Pháp “éthique relationnelle” – chiều kích thứ 4; tiếng Anh “relational ethics”

Tiếp cận theo bối cảnh đã lựa chọn một con đường khó khăn: lựa chọn để làm thế nào kết hợp và phối hợp các khái niệm và các phương pháp trị liệu bằng cách lồng ghép vào đó những đóng góp của chiều kích « đạo đức trong mối quan hệ ». Chiều kích này không phải là nguồn gốc khai sinh của tất cả các khía cạnh khác, cũng không tự thân nó làm phát sinh ra bất cứ một trường phái trị liệu nào và cũng không làm ngưng trệ sự truyền thụ giữa các thế hệ các nhà trị liệu khác nhau.

Phát biểu rằng ‘nguyên tắc đạo đức là bản chất nguyên thủy của các mối quan hệ’ là một đề xuất chưa từng có trong lĩnh vực trị liệu tâm lý. Nếu lấy nguyên tắc này làm một đòn bẩy trị liệu, nó sẽ trở thành một bước đột phá đối với những thực hành trị liệu thông thường đã được chấp nhận trước đây.

Ấy vậy mà, các nhà xã hội học, nhân chủng học từ thời Mauss đến Caillé, các nhà triết học đương thời như Buber, Lévinas hay Ricoeur đã nêu ra những vấn đề rất gần với chủ đề này. Điểm đặc trưng của tiếp cận theo bối cảnh là xem xét lại những câu hỏi trên với mục tiêu sử dụng chất liệu này như một đòn bẩy trị liệu mới. Những câu hỏi hết sức thời sự này giao thoa với những câu hỏi mà Jonas đã từng đưa ra về trách nhiệm của chúng ta trước di sản quá khứ, trước thế hệ tương lai cũng như trước sự tiến bộ của nhân loại.

Quyển sách này có tham vọng dẫn nhập cho những tiếp cận phong phú, sâu rộng liên quan đến khám phá mới này. Chúng tôi đã tổng hợp ở đây những cách hiểu của chúng tôi về những gì mà Boszormenyi-Nagy đã truyền dạy qua nhiều buổi hội thảo ở Pháp, Bỉ, hay Thụy Sĩ trong suốt mười năm vừa qua.

Tiếp cận theo bối cảnh là kết quả của một công trình nghiên cứu suốt đời. Người sáng lập ra phương pháp này kể rằng từ thời thiếu niên ông đã quan tâm đến các bệnh nhân tâm thần phân liệt, vì lý do ấy mà ông đã theo học ngành tâm thần học tại Hungary - sinh quán của ông. Ông đã tiếp tục việc học trong ngành hóa học với hy vọng khám phá ra một phương pháp trị liệu cho các chứng loạn tâm⁴. Sau đó, tại Chicago, ông thử áp dụng phương pháp tiếp cận lâm sàng dựa vào những cống hiến lý thuyết của Freud để tìm hiểu chứng tâm thần phân liệt, đồng thời sử dụng khái niệm về hệ thống (système/system) như một số người tiên phong khác trong những năm 1958 – 1959.

Ivan Boszormenyi-Nagy là một trong những nhà sáng lập phương pháp trị liệu gia đình, cùng với M. Bowen, Don Jackson, Whitaker và những tác giả khác. Không từ bỏ khái niệm về hệ thống, sau khi nghiên cứu các tác phẩm triết học của Martin Buber,

⁴ Từ tiếng Pháp và tiếng Anh “psychoses”

ông đã phát triển phương pháp « trị liệu biện chứng liên thế hệ »⁵, từ đó tiến triển thành cách tiếp cận theo bối cảnh. Hiện nay, ông thực hành, giảng dạy và theo đuổi các công trình nghiên cứu của mình tại « Institute for Contextual Growth, Inc. » với chức vụ giáo sư Đại học Hahnemann (Hoa Kỳ).

Tác phẩm của chúng tôi không có mục đích vạch lại tiến trình tư tưởng của Boszormenyi-Nagy mà chỉ muốn gợi ý rằng khía cạnh đạo đức hiện diện ở khắp nơi: trong tất cả các mối quan hệ dù sự đau khổ, triệu chứng hay nguồn gốc văn hóa-dân tộc của các mối quan hệ ấy có đa dạng đến đâu đi chăng nữa.

Thông qua quyển sách này, các độc giả tâm lý gia, bác sĩ tâm thần, nhà phân tâm trị liệu gia đình, điều dưỡng tâm thần hay nhân viên xã hội có toàn quyền nhận định và rút ra cho bản thân mình những nguồn lực trị liệu trước đây chưa từng được biết đến và vận dụng.

⁵ Từ tiếng Pháp «thérapie intergénérationnelle dialectique », tiếng Anh « dialectical intergenerational therapy »

CHƯƠNG 1

Đạo đức trong mối quan hệ

Tiếp cận theo bối cảnh khơi gợi một câu hỏi mà các trường phái trị liệu bấy lâu không nhắc tới: trong những mối quan hệ gần gũi nhất như trong gia đình, cặp đôi hay giữa các thế hệ, liệu có tồn tại một nguyên lý về sự công bằng và tính qua lại⁶?

Mọi mối quan hệ giữa con người với con người đều ngầm ẩn sự lưu ý thận trọng đối với tính qua lại. Trong từng mối quan hệ ấy luôn đặt ra câu hỏi về sự cho-nhận, sự xứng đáng với quan tâm của người khác, những món nợ cũng như những nghĩa vụ được thỏa thuận.

Từ Aristote đến Marcel Mauss, từ Marx đến Lévi-Strauss và Lévinas, những suy tưởng về tính đúng đắn đều đã được đề cập tới trong kinh tế, trong tương quan giữa một chủ thể với người khác, trong tình bạn hay trong nghi thức “potlatch”⁷. Đóng góp

⁶ Từ “tính qua lại” trong bài dịch được chuyển nghĩa từ tiếng Pháp “reciprocité” (tiếng Anh “reciprocity”), cũng có thể được hiểu theo nghĩa *sự tương hỗ*.

⁷ Potlatch : từ trong nhân chủng học chỉ hành vi văn hóa với nền tảng là sự *cho đi* trong một nghi lễ ít nhiều được xã hội công nhận. Đó là một hệ thống cho đi/cho lại trong khuôn khổ trao đổi không mặt dịch.

của Ivan Boszomenyi-Nagy chính là việc ông đã sử dụng những vấn đề ấy trong bối cảnh gia đình và xem xét chúng như nền tảng của một phương hướng trị liệu tâm lý. Bây giờ ta hãy mô tả kỹ càng hơn về chiều kích đạo đức trong mối quan hệ này. Chiều kích này cần có ít nhất hai đối tác. Đối tác thứ nhất đưa ra một đề nghị, đối tác thứ hai nhận lấy lời đề nghị ấy. Đối tác đầu tiên ghi được một công lao, phía bên kia thì đang mắc nợ. Trong tiếp cận bối cảnh, từ ấy sẽ tồn tại một trách nhiệm giữa hai bên trong việc thiết lập những trao đổi đáng tin cậy, điều hành bởi tính công bằng đặc thù bên trong từng mối quan hệ. Mối quan hệ ấy có thể được hình dung như một bàn cân trong đó mỗi đĩa cân là một cá thể thay phiên nhau làm lệch bàn cân. Chuyển động thường trực tái lập thế cân bằng có thể là hình ảnh của sự công bằng và tính qua lại của sự trao đổi trong thời gian và theo thời gian. Khi nhắc đến thuật ngữ ‘công bằng’, điều khó khăn nhất là phải tránh việc hiểu nó như một khuôn khổ về giá trị, lệ luật, quy định đảm bảo tính hợp thức, cân bằng và công minh bên ngoài bối cảnh mối quan hệ.

Những câu hỏi mà tiếp cận theo bối cảnh đề cập đến đều xuất phát từ những điều thường gặp và phức tạp trong những mối quan hệ hàng ngày của mỗi chúng ta. Vì điều gì? Vì lợi ích nào mà một người trong một mối quan hệ thân tình có thể nói rằng “tôi mắc nợ bạn” hoặc “bạn đang lợi dụng tôi”? Khi các

bạc phụ huynh nói về con em họ rằng “Chúng tôi đã cho nó tất cả. Chúng tôi không chờ đợi bất cứ điều gì từ nó cả” hay “Tôi chẳng nhận được gì nhiều từ cha mẹ tôi”, họ đang lật giở lại cuốn sổ ghi nợ nào? Trọng tâm của cách làm việc theo bối cảnh chính là tại điểm này. Ngay từ bây giờ, ta có thể đề xuất những câu hỏi định hình cho một môi quan hệ được xem xét dưới góc nhìn đạo đức. Mọi sự cho đi đều đi kèm theo tính qua lại; hoặc ngược lại, sự cho đi đó nếu muốn tồn tại thì phải trì hoãn hoặc thậm chí ngăn cấm sự đáp trả. Nhưng nếu vậy, nếu không thể trả lại cho người đã cho thì liệu món nợ có tồn tại và ta cần phải làm gì đây? Mọi sự cho đi đều là nghĩa vụ? Nếu như vậy, ta có bị buộc phải nhận? Việc nhận để giúp người khác có thể cho đi liệu có chính đáng? Khi nhận và giúp người khác có thể cho đi, liệu ta cũng đang cho đi điều gì đó? Sự cho đi liệu có biến chất hay khiến ta bị lợi dụng nếu ta không thể trao ngược lại một thứ tương tự? Khi ta cho đi, việc yêu cầu nhận lại phải tuân theo quy tắc nào? Liệu ta có thể cho đi nếu ta không hề nhận lấy bất cứ thứ gì? Trong một môi quan hệ, liệu ta có quyền nhận nếu ta đã từng bị lợi dụng? Điều gì thúc đẩy những đòi hỏi trong một môi quan hệ? Việc cho đi và nhận lại có phụ thuộc vào tuổi tác không? Ta có thể đưa ra nhận định ngay và sẽ trở lại điều này: khi những trao đổi trong một môi quan hệ được nhìn nhận dưới góc độ tiếp cận bối cảnh, trao đổi ấy sẽ rất

khác với những giao tiếp tạo nên bởi những thông điệp rõ ràng, mập mờ hay mâu thuẫn. Ở đây là một thực tế khác: một thực tế được thiết lập bởi sự quan tâm, sự dự phần, nghĩa vụ hoặc sự lợi dụng.

Bây giờ, điều cần thiết là phân biệt trao đổi giữa những người thân thuộc và trao đổi mang tính mậu dịch. Trong trao đổi mậu dịch, tất cả vật chất, hành động, sự phục vụ đều có giá trị như nhau dù đối tác mậu dịch có là ai đi chăng nữa. Khách hàng, dù quá khứ của họ có như thế nào, vị trí xã hội và những kế thừa có ra sao, đều trả cùng một món tiền cho một đồ vật. Các đối tác không bị ràng buộc vào những phạm trù đạo đức, chẳng ai nợ ai khi giao dịch kết thúc và giao dịch ấy cũng không lưu dấu trong thời gian lẫn trong lịch sử, người này không phải trả thêm điều gì cho người kia. Mọi quan hệ kinh tế sẽ chấm dứt ngay trong thời điểm hiện tại. Ngược lại, mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình thì khác. Trong bối cảnh ấy, sự mất cân bằng giữa những đĩa cân là điều tự nhiên và xu hướng tái lập cân bằng có thể diễn ra trong thời gian dài và trong sự quan tâm ân cần đến nhu cầu của từng thành viên. Sự coi trọng cần có thời gian, cần có những quan tâm tận tụy đối với những “nhu cầu thực tế” của các đối tác trong gia đình. Sự coi trọng đó nằm trong một trật tự hoàn toàn khác so với các thanh toán trong trao đổi mậu dịch. Ví dụ, đối với cùng một công việc: một báo cáo cần phải đánh

máy, nghĩa vụ và tính qua lại đối với một người dung bên ngoài gia đình được thuê đánh máy để sau đó nhận được tiền công sẽ hoàn toàn khác so với khi một cậu trai mới lớn, người bạn đời, người mẹ hay một người bạn của gia đình nhận đánh máy. Việc đồng ý thực hiện dựa trên những cơ sở nào? Việc đồng ý sẽ có ý nghĩa như một sự đóng góp, một món quà, một động tác trả nợ hay là một nghĩa vụ tùy thuộc vào từng tác nhân. Ngoài ra, sự đồng ý này liệu còn tùy thuộc vào từng mối quan hệ mà việc ‘trả lại’ sẽ mang tính đặc thù hay mang tính phổ quát như trong trao đổi mặt dịch?

Câu trả lời xuất hiện sau đây: tùy theo từng mối quan hệ mà trao đổi sẽ được xây dựng. Hơn nữa, ta có thể tự đặt ra câu hỏi sau: Cậu trai mới lớn, người bạn đời, người mẹ hay một người bạn của gia đình nhận được điều gì khi đồng ý thực hiện công việc đánh máy trên? Người nhận lời có thể nhận ý định cho đi như thế nào từ phía người đề nghị? Làm sao để họ vừa có thể giữ nguyên ý định cho đi (thậm chí là món quà) của người nhận lời, vừa có thể tránh được việc phải cho lại tức thì (contre-don), ví dụ như một ít tiền túi cho cậu trai mới lớn hay một lời mời ăn tối ngay tức khắc đối với người mẹ, người bạn đời hay người bạn của gia đình?

Cách tiếp cận bồi cảnh xem tính công bằng như là một thử thách luôn hiện diện nhưng không bao giờ có thể hoàn toàn tiếp cận được trong bất cứ mối quan hệ nào. Mọi sự dấn thân mới, mọi sự nhượng bộ đều cần đến sự điều chỉnh các đĩa cân trên bàn cân. Việc đánh giá lại, sự chuyển động tái lập cân bằng (giống như các đĩa cân khi đang chênh) chính là nguồn gốc của sự tin cậy trong một mối quan hệ.

Điều gì xảy ra trong một mối quan hệ đáng tin cậy? Một bên tiến, lùi, cho đi tùy theo nhu cầu và mong đợi của bên còn lại. Bên 'cho đi' có quyền mong đợi được nhận lại ngay lập tức nhưng cũng có thể là sau đó hay rất lâu sau đó. Sự dấn thân có thể sẽ hàm chứa nhiều nguy cơ nếu như bên 'cho đi' biết rằng sẽ không có bất cứ một đền đáp nào được phác họa. Ta sẽ đề cập đến điều này ở những phần sau.

Trong ví dụ kinh điển của những bậc cha mẹ hy sinh thời gian cho các con, các bậc cha mẹ ấy liệu chỉ toàn tâm toàn ý trong việc cho đi? Liệu họ có thể/nên mong đợi những đền đáp của con cái ngay lập tức hay khi họ về già?

Đây thực sự là điểm cốt yếu khi nhấn mạnh rằng một mối quan hệ sẽ kéo dài nhờ vào sự tin tưởng xứng đáng. Có được sự tin tưởng, tin cậy của các đối tác đáng tin và có trách nhiệm với những nhu cầu của đôi bên sẽ là điều đảm bảo cho tính bền vững của mối

quan hệ và điều này quan trọng hơn là những đầu tư tính dục lúc nào cũng trôi sụt, thất thường.

Sự đáng tin luôn là một sáng tạo, một phẩm chất của mỗi quan hệ, liên quan đến ít nhất hai người và không thể bị giản lược thành thế giới tâm lý cá nhân của từng người trong đó. Sự đáng tin luôn là kết quả của những đầu tư đa chiều mà các đối tác thực hiện, phục vụ cho những mối quan tâm sống còn. Đó có thể là một yếu tố quyết định nếu một câu chuyện tình yêu, đam mê tiến triển thành một mối tương quan dài hạn.

Theo Boszomenyi-Nagy, sự đáng tin và tính qua lại chính là những thành phần giúp ngăn cản sự lợi dụng trong những mối quan hệ thân thuộc. Sự lợi dụng chỉ là một mối quan tâm mang tính cá nhân nhằm chăm lo cho một ai đó có thể nâng đỡ cho những quan tâm của riêng cá nhân ấy.

Suy nghĩ về mối quan hệ được cho là “thực tế”, dù rất khó đo đếm, lại mang một lợi ích mới: tiếp cận một cách mới mẻ các vấn đề về sự lạm dụng giữa người với người, về sự tổn hại và nhất là sự lạm dụng mà cha mẹ đặt lên con cái. Sẽ được đề cập trở lại trong chương “Phân tâm học và tiếp cận theo bối cảnh” nhưng chính Freud đã khai sinh ra phân tâm học vào

ngày mà ông đưa ra lý thuyết về huyền tưởng⁸ (fantasme): những người cha được minh oan khỏi những lạm dụng mà người ta đã quy kết cho họ. Chính những người phụ nữ đã xây dựng nên các huyền cảnh thông qua đó họ bộc lộ một thứ ham muốn mang tính phổ quát.

Boszormenyi-Nagy chắc chắn đã lưu giữ quan điểm trên nhưng cùng lúc, ông xem vấn đề sự lạm dụng và ngược đãi như một thực tế quan hệ trao đổi mất cân bằng và khơi gợi quyền được coi trọng, đền bù lẫn nguy cơ trả thù. Vậy thực tế của đóng góp hay lạm dụng là gì? Liệu ta có thể lượng giá thực tế ấy từ bên ngoài đến bên trong mối quan hệ? Làm sao để ta có thể ghi nhận được công lao hay những tổn hại thực tế? Ta có thể nói rằng sự ngược đãi hay lạm dụng chỉ là một quan điểm chủ quan, một cảm giác mang tính cá nhân?

Câu trả lời mà tiếp cận theo bối cảnh đưa ra có hai loại:

- Thực tế khách quan duy nhất có thể được tạo thành bởi sự đối thoại và sự đối đầu của các thực thể chủ quan.

⁸ Từ tiếng Pháp “fantasme”, tiếng Anh “fantasy”: những cảnh tượng diễn ra trong đầu trong lúc tỉnh mà chủ thể không cố ý khơi gợi hay chủ động xây dựng nên.

- Cuộc đối thoại thiết lập hai thế giới của hai đối tác và một thế giới “ở-giữa-hai-đối-tác”.

Cuối cùng, mỗi người đều có nhu cầu lắng nghe, coi trọng cảm nhận của các đối tác về những đóng góp và nợ nần của anh ta nhằm xây dựng nên một thực tế trung thực nhất. Trong những phần sau ta sẽ thấy rõ hơn rằng khía cạnh đối thoại là cốt lõi của tiến trình trị liệu. Cần nhấn mạnh điểm này: đối với tiếp cận bối cảnh, việc “là nạn nhân” không chỉ nhuộm màu cảm nhận chủ quan, mà còn mang màu sắc của sự công bằng trong trật tự con người. Boszormenyi-Nagy phát biểu: “loài người là một nhân chứng thầm lặng của cán cân công bằng giữa điều được cho và được nhận”.

Nhưng đến đây ta đã cố tình làm đơn giản hóa mọi thứ. Ta tưởng tượng đến cảnh hai đối tác đang trao đổi với nhau mà không hề màng đến lịch sử, quá khứ của từng người. Thực tế thì chẳng bao giờ đơn giản như thế cả.

Mỗi người bước vào một mối quan hệ mới có lịch sử gắn liền với mô hình trách nhiệm qua lại của những mối quan hệ xưa cũ mà ta đã nhắc đến trong phần đầu chương. Chúng ta cần phải vượt qua quy định của một mối quan hệ⁹... Lấy một ví dụ: John là

⁹ “Quy định của một mối quan hệ” trong bài dịch được chuyển nghĩa từ cụm từ “jurisdiction d’une relation” (tiếng Anh “jurisdiction of a relation”). Đây là một cụm từ khó dịch sát nghĩa nhưng có ý ám chỉ

một vận động viên chuyên nghiệp người Mỹ. Anh ấy là người da màu, xuất thân từ một gia đình nghèo khó và cha anh ấy, một người rất gần gũi, đã giao trọng trách cho anh phải thành công trong lĩnh vực thể thao. John rất đẹp trai, ăn nói khéo léo. Nhưng phải làm sao để mối quan hệ của anh với người hôn thê – xuất thân từ một gia đình giàu có nhưng dính líu tới những vụ việc giết người và cô luôn phải nâng đỡ bà mẹ ruột trầm cảm trong suốt những năm tháng ấu thơ – có thể được suôn sẻ? Những quy tắc trao đổi giữa hai đối tác này có thể được dựng xây từ nền tảng nào? Ai trong số họ là người đau khổ hơn? Ai trong số họ đang nợ người khác sự coi trọng và bù trừ trong quá khứ của mình? Những câu hỏi ấy không gợi ý cho những câu trả lời đơn giản. Chúng được nêu lên một cách đường đột, thậm chí là hơi châm biếm, nhưng chúng luôn gắn liền với mọi mối quan hệ cặp đôi. Tiếp cận theo bối cảnh không khuyến khích việc chỉ ra ai có thể là người đau khổ hơn hay ai có quyền chính đáng để nhận hơn. Ngược lại, tiếp cận này cho ta thấy rằng việc được coi trọng trong quá khứ là yếu tố chủ chốt trong bối cảnh quan hệ « ở-giữa-hai-người » này. Việc được coi trọng trong tất cả các mối quan hệ quá khứ chính là bước đi đầu tiên đi đến trao đổi, đối thoại, giúp kết nối bối cảnh đạo đức của mỗi người, để mỗi quan hệ có thể

những khuôn khổ, quy tắc, quy định đã được ấn định, tuân theo từ trước của một mối quan hệ.

mang tính qua lại chứ không phải theo kiểu thanh toán nợ nần hay dạng trả thù thay thế.

Boszormenyi-Nagy phê bình các nhà trị liệu đương đại chỉ gói gọn khu vực can thiệp của mình xung quanh các hiện tượng nội tâm hay xung quanh gia đình với nòng cốt là cặp đôi cha mẹ. Ông đã nhấn mạnh rằng làm việc trên những hậu quả của những trao đổi trong quá khứ, những hệ lụy có liên quan trong tất cả các mối quan hệ hiện hữu hay trong tương lai là điều rất cần thiết. Tiếp cận xuyên thế hệ chú trọng đến trách nhiệm của mỗi cá nhân trong các mối quan hệ. Tranh chấp chưa được giải quyết giữa một cá nhân và một người khác có thể được ghi dấu lên trên một người thứ ba. Đối tác thứ ba mới toanh này được dùng để thiết lập lại cân bằng những nợ nần tồn đọng trong một mối quan hệ khác: ở đây ta nói đến « món nợ xoay vòng »¹⁰. Vì vậy, « công lý »¹¹ trong mối quan hệ có thể được đại diện bằng một cuốn sổ nợ của quá khứ và nên được xem như một nguyên tắc năng động giải thích cho sự vô lý rành rành của một số định kiến. Những tổn hại được khắc ghi trong mối quan hệ giữa hai người (ví dụ như đứa trẻ và cha hoặc mẹ) và sẽ có những ảnh hưởng lên những mối quan hệ của đứa trẻ sẽ trưởng thành sau này với người bạn đời, con cái hay những người thân. Nói cách khác, những

¹⁰ Tiếng Pháp “ardoise pivotante”

¹¹ Tiếng Pháp và tiếng Anh: “justice”

động thái trong quá khứ mang trong mình những hệ lụy quan hệ đa chiều trong thời điểm hiện tại và cả tương lai. Ở phần trên, sự công minh được định nghĩa như là tính qua lại trong một mối quan hệ đôi. Hiện tại, sự công minh ấy bao gồm cả việc một chủ thể bước vào đối thoại chủ động qua lại và có trách nhiệm với những người đã hoặc đang tồn tại xung quanh anh ta. Sự công minh và khả năng tin tưởng – dấu chỉ mang tính chủ quan, thường trực và có thể được định lượng một cách tinh tế - đều là những yếu tố mà ai cũng thường sử dụng để làm cân bằng vị trí của mình trong mạng lưới nghĩa vụ gia đình rối rắm và đa chiều của bản thân. Không phải tất cả những yếu tố trong mối quan hệ hiện tại đều xuất phát từ những chuyên cảm cổ xưa hay từ những nguyên tắc giao tiếp thông thường. Đối với phương pháp phân tích bối cảnh, sự tin tưởng – phần nhận thêm được từ mối quan hệ và cũng là yếu tố điều phối của mối quan hệ ấy – cho phép xảy ra những thời điểm mất cân bằng giữa một bên là công lao và bên kia là nghĩa vụ. Sự tin tưởng ấy không phải là thuộc tính của cá nhân mà được xây dựng từ những câu hỏi sống động như sau : Ai là người dễ bị tổn thương nhất ? Ai là người chịu nhiều thiệt hại nhất bởi số phận và quá khứ ? Ai lo toan nhiều nhất cho con cháu, hậu thế ? Bên cạnh đó là một lời khẳng định chắc nịch như sau : con người vừa có quyền cho đi vừa có quyền nhận lại ngang bằng. Ta

hãy đi sâu thêm trong tiếp cận theo bối cảnh. Độc giả hoàn toàn có thể cảm nhận được những điểm hội tụ của các chủ đề triết học đương đại trong tư tưởng của Boszormenyi-Nagy. Điều cốt yếu trong mỗi quan hệ chính là sự quan tâm cho người khác, luôn chuyển động đều đặn trong một thế cân bằng đúng đắn và trong một sự công minh giữa các đối tác. Tuy nhiên, khía cạnh thời gian xuyên thế hệ của cách tiếp cận này lại là thành tựu của riêng Boszormenyi-Nagy.

Tính chính đáng¹²

Để hiểu rõ hơn về tính năng động của mỗi quan hệ, ta nên định nghĩa một thành tố nền tảng của mỗi quan hệ : tính chính đáng. Đây là khái niệm mang tầm quan trọng trị liệu vô cùng to lớn. Thành tố này cũng tương ứng với tính lạc quan của tiếp cận theo bối cảnh. Tôi được lợi điều gì đó khi cho đi. Tôi thu được điều gì đó nếu tôi mạo hiểm dấn thân, quan tâm, lo lắng. Tôi nhận được điều gì đó nếu tôi cho đi mà không quan tâm đến sự đáp lại. Thời khắc cho đi hay ý định cho đi là khoảng thời gian thể hiện sự quan tâm đến

¹² Tiếng Pháp “légitimité” (tiếng Anh “legitimacy”), có thể được dịch thành *tính chính danh*

người khác, đến nhu cầu của họ mà không thiết tha đến bản thân hay việc có nhận được đáp lại hay không.

Dường như, tôi nhận được điều gì đó nếu tôi chăm sóc cha hoặc mẹ tôi đã lớn tuổi, người mà trong quá khứ đã từng là một bậc cha mẹ bỏ bê, bất công, chẳng mong đợi gì ở tôi. Tôi sẽ thu được gì nếu như tôi làm giống như Enée, dặt tay và cống trên vai người cha mù lòa, tật nguyền khi thành phố đang bốc cháy ngùn ngụt?

Cha mẹ nhận được gì khi hy sinh bản thân và chăm sóc tận tình đưa con khuyết tật rất nặng dù biết rằng đưa con ấy sẽ chẳng thể đưa lại cho họ điều gì? Liệu tôi có được lợi gì khi cho đi điều gì đó và biết rõ rằng mọi hỏi đáp đều bị ngăn cấm? Cần nên ghi nhớ rằng những khái niệm hóa của tiếp cận theo bối cảnh đều xuất phát từ quan sát và thực tế công việc cùng các gia đình. Tính chính đáng là một trong những ví dụ điển hình ấy. Tính chính đáng có được trong mối quan hệ nhờ vào việc nhận lãnh trách nhiệm, nhận định về nhu cầu và quan tâm ân cần đến người khác. Đối tác, dù có thể là người đảm bảo cho những đáp lại trực tiếp hay không, không quyết định tính chính đáng. Đối tác không phải là nguồn gốc của tính chính đáng.

Vậy tính chính đáng là gì? Nó đến từ đâu? Đó chính là giá trị đạo đức, phẩm chất, uy tín hay vốn đạo đức của một cá thể. Giá trị đạo đức này không phải là

một thuộc tính như là cái mũi trên khuôn mặt mà là một lịch sử luôn chuyển động, ngày càng phong phú thêm từ những đóng góp, ý định cho đi, thậm chí từ cả trong những tình huống hiểm nghèo, không mong muốn. Giá trị ấy còn được xây dựng từ những tổn thất, lạm dụng, tàn ác. Hãy lấy ví dụ về một đứa trẻ sơ sinh. Cha mẹ bé đã lựa chọn hạ sinh một đứa trẻ, họ đã ghi lại dấu ấn của mình trong ý định cho đi, thiết tha quan tâm tới một con người mới. Ngay tại đó, họ đã có được công lao. Đứa trẻ trải qua ý nguyện đó của cha mẹ và bồi cảnh ra đời. Đứa trẻ ấy cũng nhận được sự tín nhiệm, công lao bởi đã trải qua một tình huống hiểm nghèo, phụ thuộc không mong muốn.

Tính chính đáng xuất hiện như một bể chứa, nhà kho có nhiều lối vào. Tính chính đáng liệu có vượt qua khỏi phạm vi sinh học của cuộc sống của một con người? Liệu, sau khi chết đi, tính chính đáng có tiếp tục được tiếp nối nhờ vào những hệ quả của gia tài trách nhiệm mà người quá cố đã nhận lãnh trong quá khứ? Nói tóm lại, tính chính đáng là một quyền lợi thu được trong từng mối quan hệ thông qua đối tác nhưng không xuất phát từ đối tác.

Những nhận định lâm sàng nào có thể được rút ra khi khía cạnh đạo đức được xác định lại phẩm chất? Việc xác định lại phẩm chất của đạo đức xác định mỗi chúng ta một cách khác hơn trong những mối quan hệ mới. Khi ấy, các đối tác sẽ trao đổi với nhau bằng

những cách thức được các bên thứ ba trân trọng, tán thưởng. Ngoài ra, việc tái xác định ấy cũng làm tăng cảm giác an toàn bên trong, tăng khả năng sử dụng những tiềm năng trí tuệ, thể lý hay tình dục, củng cố một tâm thể nhân văn hơn và giúp tránh giam mình trong cảm giác tội lỗi nhiều tâm. Nó cũng tạo cơ hội cho một cảm giác tự do dần thân mà không phụ thuộc vào việc đòi hỏi đáp lại ngay lập tức cũng như trì hoãn sự đòi hỏi ấy, nhất là khi biết rằng yêu sách tức thì sẽ kéo theo nhiều rắc rối hơn là lợi ích.

Nên nhấn mạnh điều này: tính chính đáng là kết quả của những mối quan hệ thực tế trong quá khứ của mỗi người và là một yếu tố cơ sở tạo động lực thúc đẩy hành động. Trong phần cơ bản của tiếp cận theo bối cảnh, chúng ta nhận thấy nổi bật lên sự tín nhiệm, uy tín được đảm bảo bởi tòa án công lý của nhân loại.

Ta có thể thấy con đường mà ta đã đi từ chương trước đến đây. Sự tin tưởng hiện diện trong cân bằng giữa cho và nhận. Quan điểm này vẫn luôn đúng, nhưng ở đây, song song đó, tính chính đáng cũng được thiết lập khi ai đó có cơ hội mạo hiểm cho đi và hơn nữa là có khả năng cho đi. Ta có thể bổ sung thêm rằng sự công minh quá mức khi mọi sự đáp lại đều phải trực tiếp và ngay lập tức có thể làm lũng đoạn tính chính đáng. Một số người mẹ cần có một đối tượng bị động để cho đi như một đứa trẻ nhỏ luôn đòi

hỏi những chăm sóc kỹ lưỡng và đều đặn, hơn là cần những đũa trẻ lớn vì chúng đã biết tham gia, cho lại thông qua sự tưởng thưởng hay những động thái ân cần ngược lại lên người mẹ.

Đến đây, ta đã nêu lên điều nhận được trong phạm vi quy định của mỗi quan hệ và điều có thể được chuyển sang những mối quan hệ khác: tính chính đáng.

Ta chỉ mới đề cập đến điều nên được gọi tên là « tính chính đáng mang tính xây dựng », nhưng thực ra đối với những ai đã chịu đựng những bất công, cái vốn đạo đức ấy cũng có thể xuất hiện dưới hình dáng của một sự trả thù được trì hoãn hay sự đòi nợ ở phía thứ ba hay trong những mối quan hệ trong tương lai. Trong bối cảnh mang tính phá hủy này, tính chính đáng sẽ có những tác động lớn lao bằng những hành động bất công, không cần biết đối tác đích là ai và tạo nên làn sóng những nạn nhân mới.

Thặng dư đạo đức ấy có thể liên quan đến tính ái kỷ hay những mối bận tâm sống còn của con người. Một trẻ vị thành niên bị đánh đập bất công bởi những thế lực quyền lực. Sự bất công đã diễn ra, và ai đó phải trả nợ, dù bằng cách tự đưa cuộc sống của mình đến chỗ nguy hiểm hay giết những người vô tội khác.

Ví dụ trên khẳng định quy luật nhân sinh về sự công bằng. Ví dụ ấy nằm trong một bối cảnh phá hủy nhưng nó chỉ ra rằng tính chính đáng, dù mang tính

xây dựng hay phá hủy, thực sự là yếu tố động lực chung thúc đẩy nên hành động.

Trong những phần tiếp theo ta sẽ xem xét trong tiến trình trị liệu, nhà trị liệu sẽ nhận ra tính chính đáng như thế nào để nó được kích hoạt một cách tích cực và không tạo ra thêm những nạn nhân mới. Ngoài ra, nhà trị liệu cũng sẽ làm việc trên những tính chính đáng trong gia đình nhằm khơi dậy các tác nhân khác nhau tham gia vào việc vận hành tính chính đáng xây dựng hay phá hủy. Để làm được điều này, một trong những « công cụ » chính là việc công nhận những sự kiện bất công đã trải qua nhằm chỉ ra nguồn gốc của tính chính đáng phá hủy.

Việc phân tích lý thuyết sâu như trên là một trong những điểm trọng yếu của tiếp cận theo bối cảnh. Việc dẫn nhập vào việc lý thuyết hóa và vào tiến trình trị liệu ghi nhận cùng lúc tính chính đáng mang tính xây dựng có được nhờ mạo hiểm cho đi và tính chính đáng mang tính phá hủy có được thông qua việc phải chịu đựng những tình huống trong đó chủ thể bị tổn thương nghiêm trọng bởi người khác hay bởi số phận; cũng chính là nhìn nhận quá khứ cá nhân không chỉ giới hạn ở tầm quan trọng của những tháng năm đầu đời trong sự phát triển của con người hay trong cách mà cá nhân ấy bước vào các mối quan hệ. Đây chính là cốt lõi của cách tiếp cận theo bối cảnh. Liệu có hợp lý khi nghĩ rằng một cá nhân bị tổn thương sẽ